

tián tián kàn

一、填填看：(Fill in the blanks with correct words or phrases.)

開會 一起 爬山 天黑了 會不會

1. 小明和哥哥_____去上學。

2. 媽媽說：明天早起去_____。

3. 今天，爸爸去學校和老師_____。

4. _____！月亮出來了。

5. 你_____說中文？



xiān xiě xiě kàn zài lián lián kàn

二、先寫寫看再連連看：(Fill in the blank and join the word or phrase and its English meaning with a line.)

yóu

yòng

_____ 游泳 ◎

◎ to swim

qǐ

chuáng

_____ 起床 ◎

◎ night

hēi

yè

_____ 黑夜 ◎

◎ get up